

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN CẦU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 09-5-2019
V/v tranh chấp HNGĐ về ly hôn và
nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hoài Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hùng Dũng,
2. Bà Trần Thị Lãm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy An – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu tham gia phiên tòa:
Ông Hoàng Đình Lưỡng - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 53/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2019 về “Tranh chấp về hôn nhân gia đình, ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm: 1992. Địa chỉ cư trú: Số XX, tổ X, ấp P, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh, (vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn N, sinh năm: 1985. Địa chỉ cư trú: Số XX, tổ X, ấp P, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22-02-2019 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị và anh N tự tìm hiểu rồi về sống chung với nhau vào năm 2011, đăng ký kết hôn cùng năm tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Tây Ninh. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến đầu năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh N thường xuyên uống rượu, khi anh N uống rượu say về nhà

thường xuyên kiểm chuyện gây gổ, cãi vã với chị, có lần anh N đã đánh chị. Chị đã khuyên can anh N và cho anh N cơ hội để sửa chữa bản thân nhưng anh N không thay đổi. Hiện nay anh N đang chấp hành án tại Trại giam Cây Cầy II về tội cố ý gây thương tích. Vợ chồng ly thân nhiều lần, lần gần nhất từ tháng 11-2013 đến nay. Xét thấy vợ chồng ly thân đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn, không có biện pháp khắc phục mâu thuẫn để tiếp tục chung sống, mục đích hôn nhân không đạt được chị yêu cầu ly hôn với anh N.

Về con chung: Chị và anh N có một con chung tên Nguyễn Thị Tâm D, sinh ngày XXX. Hiện tại cháu D đang sống với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu D. Không yêu cầu anh N cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Chị và anh N không có nợ chung.

Bị đơn anh Nguyễn Văn N đã khai:

Về cơ sở hôn nhân, thời gian chung sống như lời trình bày của chị T là đúng. Anh và chị T sống với nhau từ năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Tây Ninh. Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc, nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau. Nhiều lúc anh đi chơi với bạn bè về trễ thì chị T chửi mắng anh nên anh có gây cãi với chị T. Ngoài ra anh và chị T còn mâu thuẫn nhau về vấn đề tiền chi tiêu trong gia đình. Vợ chồng ly thân từ tháng 11-2013 đến nay, hiện tại anh đang chấp hành án tại trại giam Cây Cầy II, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên anh cũng đồng ý ly hôn với chị T. Anh có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Về con chung: Anh thống nhất với lời trình bày của chị T. Khi ly hôn anh đồng ý giao cháu Nguyễn Thị Tâm D, sinh ngày XXX cho chị T nuôi dưỡng, giáo dục. Anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Anh và chị T không có nợ chung.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thời hạn thụ lý, giải quyết vụ án; việc cấp tổng đạt văn bản tố tụng và việc tuân thủ quy định pháp luật của người tham gia tố tụng, người tiến hành tố tụng đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị T, anh N là đúng theo quy định.

Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử: căn cứ các Điều 56, 58, 71, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147 BLTTDS, Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị T đối với anh Nguyễn Văn N.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Tâm D, sinh ngày XXX cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận chị T và anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu tiền án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 BLTTDS.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các bên cung cấp và qua kết quả thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T và bị đơn anh Nguyễn Văn N có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T, anh N theo quy định tại Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[2] Về hôn nhân: Chị T và anh N kết hôn vào năm 2011, đăng ký kết hôn cùng năm tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Tây Ninh là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống chị T và anh N thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong sinh hoạt hàng ngày, vợ chồng chung sống không được hạnh phúc, do anh N không lo làm ăn, lo kinh tế cho gia đình. Anh N tụ tập bạn bè uống rượu và đi chơi, nên vợ chồng thường xuyên gây gỗ, cãi vã nhau. Hiện tại anh N đang chấp hành án tại trại giam Cây Cày II về tội cố ý gây thương tích. Chị T và anh N đã ly thân từ tháng 11-2018 đến nay. Qua xác minh tại địa phương nơi chị T và anh N sinh sống, cho thấy: Mâu thuẫn giữa chị T và anh N không có biện pháp khắc phục, không thể hàn gắn để tiếp tục chung sống. Do đó, thấy rằng quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh N đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh N là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị T và anh N có một con chung tên Nguyễn Thị Tâm D, sinh ngày XXX. Xét thấy, từ ngày anh N đi chấp hành án đến nay, cháu D được chị T nuôi dưỡng, giáo dục đảm bảo về điều kiện vật chất, tinh thần, sự ổn định về tâm lý, nên giao cháu D cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp, ghi nhận chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con theo qui định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình, không ai được cản trở anh N thực hiện quyền này.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh N không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 BLTTDS.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 71, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị T đối với anh Nguyễn Văn N. Chị T được ly hôn với anh N.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thị Tâm D, sinh ngày XXX cho chị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh N không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 (*ba trăm nghìn*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số: 0021858 ngày 22-02-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Anh Nguyễn Văn N không phải chịu án phí.

5. Về quyền kháng cáo bản án: chị Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Văn N có quyền kháng cáo theo trình tự thủ tục phúc thẩm lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân xã, phường nơi chị T, anh N cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Bến Cầu;
- C.c THADS huyện Bến Cầu;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Hoài Tâm